

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B4**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD03237**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Thiết kế trình diễn trên máy tính**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030455	Ngô Huỳnh	Anh	15/08/2009			10	9.5	9.0	10.0			8.0		8.6
2	2454802030456	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/05/2009			8	8	8.0	8.0			8.0		8.0
3	2454802030457	Đặng Phước	Bảo	22/09/2009			9	8.5	8.0	9.0			7.5		7.9
4	2454802030458	Nguyễn Văn	Bi	20/03/2009			9	8.5	8.0	9.0			8.0		8.2
5	2454802030459	Nguyễn Văn	Chi	20/02/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
6	2454802030460	Hà Minh	Duy	11/09/2009			10	9.5	9.0	10.0			9.0		9.2
7	2454802030461	Trần Bảo	Duy	10/08/2009			10	9	9.0	9.0			9.0		9.1
8	2454802030462	Hồ Hải	Đăng	03/07/2009			10	9	9.0	9.0			9.0		9.1
9	2454802030463	Nguyễn Nhất	Đô	22/11/2009			7	7.5	7.0	8.0			9.0		8.4
10	2454802030464	Vũ Phan Minh	Đức	31/03/2009			10	9.5	9.0	10.0			9.0		9.2
11	2454802030465	Lê Thị Ngọc	Huyền	14/10/2008			8	7	7.0	7.0			6.0		6.5
12	2454802030466	Phú Văn	Kha	18/03/2009			9	8	8.0	8.0			9.0		8.7
13	2454802030467	Lê Bảo	Khang	12/03/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
14	2454802030468	Châu Quang	Kiệt	15/10/2009			8	8	8.0	8.0			7.5		7.7
15	2454802030469	Hoa Thị Hồng	Lan	23/09/2009			9	9	9.0	9.0			7.0		7.8
16	2454802030470	Nguyễn Thanh	Luân	08/10/2008			9	9	9.0	9.0			9.5		9.3
17	2454802030471	Nguyễn Xuân	Nam	04/02/2008			9	9.5	9.0	10.0			7.0		8.0
18	2454802030472	Nguyễn Đông	Nghi	04/05/2009			10	9.5	9.0	10.0			9.0		9.2
19	2454802030473	Đình Bảo	Nghĩa	12/11/2009			10	9	8.0	9.0			6.5		7.4
20	2454802030474	Lê Trọng	Nghĩa	17/10/2009			10	9	9.0	9.0			9.5		9.4
21	2454802030475	Trần Phúc	Nguyên	03/03/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
22	2454802030476	Đỗ Thành	Phát	19/01/2009			7	8	8.0	9.0			6.0		6.9
23	2454802030477	Phạm Thế	Phong	27/04/2009			9	8.5	9.0	8.0			6.0		7.0
24	2454802030478	Võ Hoài	Phong	07/06/2009			7	8	8.0	8.0			9.5		8.8
25	2454802030479	Dương Hoài	Phú	19/07/2009			9	9	9.0	9.0			9.0		9.0
26	2454802030480	Lữ Thiên	Phú	17/07/2009			10	9	9.0	9.0			9.0		9.1
27	2454802030481	Nguyễn Thị Kim	Thanh	08/01/2009			10	9	9.0	8.0			8.0		8.3
28	2454802030482	Lê Phước	Thiện	16/04/2008			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
29	2454802030483	Trần Văn	Thuận	07/06/2009			8	9	9.0	9.0			5.5		6.8
30	2454802030484	Trương Thị Cẩm	Thùy	16/09/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
31	2454802030485	Danh Thị Thu	Thùy	15/01/2009			8	9	9.0	9.0			5.5		6.8
32	2454802030486	Võ Thị Kim	Tiền	02/09/2009			10	9	9.0	9.0			5.5		7.0
33	2454802030487	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	27/10/2009			9	8.5	9.0	8.0			9.5		9.1
34	2454802030488	Nguyễn Công	Trí	17/02/2009			8	8.5	9.0	8.0			7.5		7.9
35	2454802030489	Trần Thùy	Trình	27/03/2009			10	9.5	9.0	10.0			5.0		6.8
36	2454802030490	Đỗ Hồng	Trúc	14/03/2009			7	8	9.0	8.0			6.5		7.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2454802030491	Thái Phú Vinh	07/07/2009			8	8.5	8.0	9.0			9.5		9.1
38	2454802030492	Huỳnh Thị Tường Vy	18/04/2009			10	9.5	10.0	9.0			7.0		8.0

Châu Đốc, ngày 31 tháng 12 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Hữu Điền